

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động "tín dụng đen" trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động "tín dụng đen" trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4771/TTr-STC ngày 18 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động "tín dụng đen" trên địa bàn

tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 mục II Đề án như sau:

“2. Đối tượng vay vốn

a) Hộ gia đình là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình (*theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025*), hộ mới thoát nghèo (*theo quy định tại Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo*), gặp khó khăn đột xuất về tài chính do ốm đau, bệnh tật phải điều trị dài ngày; tai nạn đột xuất; thiên tai, hỏa hoạn làm nhà cửa, tài sản, phương tiện đi lại bị hư hỏng cần khắc phục ngay; để kinh doanh, buôn bán nhỏ, có nhu cầu vay vốn để ổn định cuộc sống với lý do chính đáng, hợp pháp.

Trường hợp hộ gia đình vay để kinh doanh, buôn bán nhỏ mà đang còn dư nợ các chương trình tín dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội có cùng mục đích vay thì không được vay theo Đề án này.

Quy trình xác định hộ gia đình có mức sống trung bình không thuộc hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp và các mẫu biểu liên quan thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động "tín dụng đen" trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh, huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn, ở lực lượng vũ trang đang công tác tại địa bàn tỉnh Kon Tum, có Giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi cá nhân làm việc theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh xác nhận thu nhập bình quân đầu người/tháng của hộ gia đình mình tương đương với chuẩn hộ có mức sống trung bình khu vực thành thị quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ, gặp khó khăn đột xuất về tài chính do ốm đau, bệnh tật phải điều trị dài ngày; tai nạn đột xuất; thiên tai, hỏa hoạn làm nhà cửa bị hư hỏng cần khắc phục ngay.”

2. Sửa đổi, bổ sung mức cho vay, thời hạn cho vay tại khoản 6 mục II Đề án như sau:

“- Mức cho vay: Do Ngân hàng Chính sách xã hội và người vay thỏa thuận theo nhu cầu, khả năng nguồn vốn để cho vay phù hợp nhưng tối đa không quá 50.000.000 (*năm mươi triệu đồng*) đồng/hộ/cá nhân (*mỗi hộ gia đình chỉ được 01 cá nhân đại diện vay vốn*).

- Thời hạn cho vay: Theo thỏa thuận giữa Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay với người vay vốn, đảm bảo phù hợp với khả năng trả nợ và mục đích sử dụng vốn vay nhưng tối đa không quá 36 tháng kể từ ngày nhận tiền vay. Trường hợp đến hạn trả nợ, nếu người vay vốn gặp khó khăn về tài chính do nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ thì được Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ, thời hạn gia hạn nợ tối đa bằng một nửa thời hạn cho vay nhưng không quá 18 tháng.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 mục II Đề án như sau:

“7. Lãi suất cho vay và lãi suất nợ quá hạn

- Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất của Chương trình cho vay hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo từng thời kỳ.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Mục III Đề án và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 mục III Đề án như sau:

“2. Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế hướng dẫn, xác định đối tượng thụ hưởng chính sách làm căn cứ để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn. Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền rộng rãi chính sách đặc thù này của địa phương đến từng thôn, tổ dân phố, đồng thời rà soát hộ gia đình có mức sống trung bình không thuộc hộ làm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng năm đồng bộ, cùng với thời điểm thực hiện công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Trung ương, làm cơ sở để xác định đối tượng.

2a. Sở Y tế: Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương trong việc tổng hợp, báo cáo hộ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và hộ có mức sống trung bình không thuộc hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp trên địa bàn tỉnh.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Sở Tài chính và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã được giao tại Điều 2 Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên

quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 12 năm 2024./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra văn bản pháp luật*);
- Bộ Tài chính (*Vụ Pháp chế*);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KTTH._{NTS}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Lê Ngọc Tuấn